

BÁO CÁO

PHÂN TÍCH CHIẾN LƯỢC

CBAM & TÁC ĐỘNG ĐẾN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT VIỆT NAM



Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon EU:
Phân tích Định lượng Tác động



Tháng 4 năm 2026



TÓM TẮT CHUNG

Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) của EU chính thức có hiệu lực từ 01/01/2026. Giá chứng chỉ Q1/2026 ở mức **€75,36/tấn CO₂** — mức giá được EU Commission công bố ngày 07/04/2026 theo Quy định (EU) 2023/956 và IR 2025/2548. Hệ số CBAM tăng từ 2,5% (2026) lên 100% (2034), tạo áp lực tài chính leo thang nghiêm trọng với doanh nghiệp xuất khẩu sang EU.

01 CBAM 2030: Thép BF-BOF chịu ~€133,8/t — vượt EBITDA vận hành (€32–65/t) 2–4 lần; vượt gross profit (€82–130/t) trong chu kỳ yếu.

02 CBAM 2034: Nhôm điện phân từ lưới than chịu ~€2.100/t (~90% giá bán) — không thể xuất khẩu về kinh tế.

03 Việt Nam ETS pilot (2025-2028) chưa được EU công nhận để khấu trừ CBAM → thực chất €0 khấu trừ tại thời điểm hiện tại.

04 Hệ số phát thải lưới điện 2023: 0,66 kgCO₂/kWh (Cục BĐKH 12/2024) — cao gấp 3 lần EU, làm nặng thêm bất lợi của thép EAF và nhôm.

05 Cửa sổ hành động 2026–2028 (CBAM 2,5–10%): Giai đoạn duy nhất để thiết lập MRV/PCF với chi phí thực tế còn thấp.

I. BỐI CẢNH VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CBAM

1.1 CBAM là gì và tại sao quan trọng với Việt Nam?

CBAM (Carbon Border Adjustment Mechanism) là cơ chế của EU áp đặt giá carbon tương đương EU ETS lên hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia không có hệ thống định giá carbon tương đương — nhằm ngăn chặn 'carbon leakage'. Cơ sở pháp lý: Quy định (EU) 2023/956 và các quy định thực thi liên quan.

Việt Nam xuất khẩu sang EU khoảng \$50 tỷ USD/năm với 4 trong 6 ngành CBAM (thép, nhôm, xi-măng, phân bón) đều có sự tham gia của doanh nghiệp Việt Nam. Điểm bất lợi then chốt:

- Việt Nam đang trong giai đoạn thí điểm ETS (2025-2028 theo Nghị định 119/2025/NĐ-CP), tuy nhiên hạn ngạch được phân bổ miễn phí và cơ chế công nhận của EU vẫn đang trong quá trình hoàn thiện — trên thực tế hiện chưa tồn tại cơ sở đáng kể để khấu trừ theo CBAM."
- Hệ số phát thải lưới điện Việt Nam: 0,66 kgCO₂/kWh (chính thức 2023, Cục BĐKH); ước tính 2024 là 0,681 kgCO₂/kWh (tăng do điện than tăng 17,7%) — cao gấp 3 lần EU (0,22 kgCO₂/kWh)
- Không có dữ liệu phát thải xác minh → phải dùng Default Values ở mức phát thải cao nhất thế giới theo IR 2025/2621

1.2 Công thức Tính toán và Cơ sở Pháp lý

Công thức tính nghĩa vụ CBAM được nội suy từ Điều 21-22, Quy định (EU) 2023/956 và các quy định thực thi liên quan:

Công thức: Chi phí CBAM = Phát thải nhúng (tCO₂/t SP) × Hệ số CBAM (%) × Giá chứng chỉ CBAM (€/tCO₂) – Khấu trừ carbon nước XK (nếu được EU công nhận)

Giá chứng chỉ 2026: Bình quân gia quyền theo khối lượng của giá thanh lý đấu giá EU ETS theo quý. Q1/2026 = €75,36/tCO₂ (EU Commission, 07/04/2026). Từ 2027: bình quân tuần.

Hệ số CBAM: Tỷ lệ phát thải phải mua chứng chỉ — tăng theo lộ trình chính thức từ 2,5% (2026) lên 100% (2034), tương ứng tỷ lệ EU ETS free allocation bị loại bỏ.

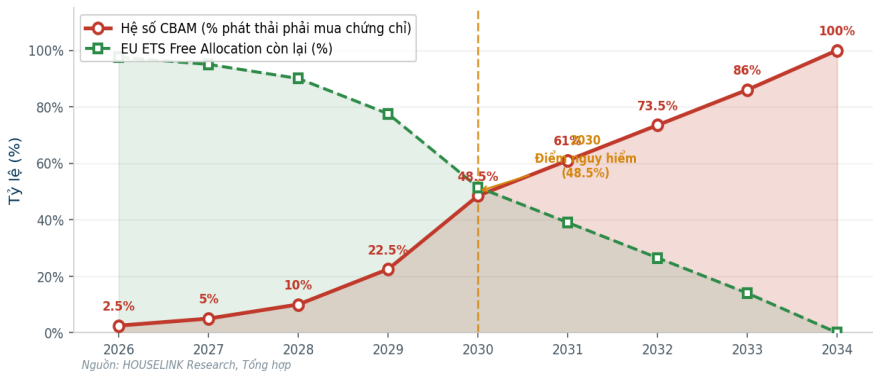
Khấu trừ: Chỉ áp dụng nếu carbon price tại nước XK được EU chính thức công nhận là 'effective carbon price'. Quy tắc công nhận đang được xây dựng (Call for Evidence 08/2025).

Bảng 1: Lộ trình Hệ số CBAM 2026–2034

Năm	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034
Hệ số CBAM * (chính thức)	2,5%	5%	10%	22,5%	48,5%	61%	73,5%	86%	100%
EU ETS Free Alloc. *	97,5%	95%	90%	77,5%	51,5%	39%	26,5%	14%	0%
Giá ETS ước tính † (€/tCO ₂)	€75	€80	€88	€95	€120	€130	€140	€145	€150

* Hệ số CBAM (%) là số tự tính dựa trên tỷ lệ ETS Free Allocation còn. Hệ số ETS Free Allocation được quy định tại Article 10a, Directive (EU) 2023/959 (emissions-euets.com/cbam-factor). † Giá ETS: Ước tính thị trường của HOUSELINK Research tổng hợp từ Fastmarkets Carbon Analysis 02/2026 và BloombergNEF ECCO 2025 — không phải số liệu pháp lý.

Lộ trình CBAM 2026-2034: Phase-in & Phase-out EU ETS Free Allocation



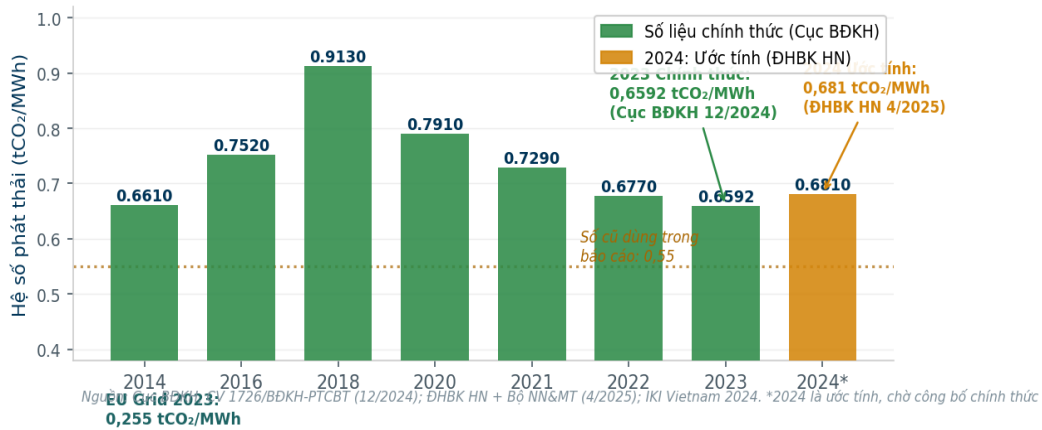
Hình 1 — Lộ trình CBAM Phase-in và EU ETS Free Allocation Phase-out (2026–2034)

Nguồn: EU Parliament/Council Reg. 2023/956; ICAP 2025. Dự báo giá ETS: HOUSELINK Research, Tổng hợp từ Fastmarkets & BloombergNEF

1.3 Bối cảnh Carbon Pricing toàn cầu và vị thế Việt Nam

Hiệu quả của CBAM đối với mỗi quốc gia phụ thuộc vào hệ thống định giá carbon nội địa. Carbon price nội địa được EU chính thức công nhận sẽ được khấu trừ từ nghĩa vụ CBAM, tạo ra lợi thế cạnh tranh đáng kể. Tuy nhiên, cơ chế công nhận chính thức vẫn đang trong quá trình xây dựng (EU Commission Call for Evidence, tháng 8/2025).

Hệ số Phát thải Lưới điện Việt Nam 2014-2024



Hình 2 — Hệ số phát thải lưới điện Việt Nam 2014–2024: cập nhật theo nguồn chính thức

Nguồn: Cục Biến đổi Khí hậu (Bộ TNMT), Công văn 1726/ĐBKH-PTCĐT, 03/12/2024 (số 2023). ĐHBK Hà Nội & Bộ NN&MT, tháng 4/2025 (ước tính 2024). IKI Vietnam 2024

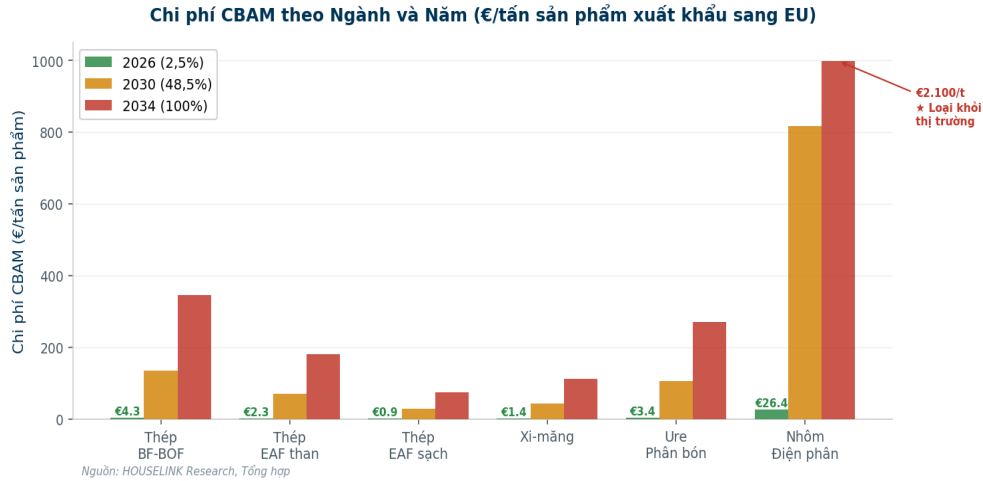
Lưu ý quan trọng: Hệ số phát thải lưới điện Việt Nam chính thức năm 2023 là 0,66 kgCO₂/kWh (Cục ĐBKH, 12/2024) gấp 3 lần mức EU (0,22 kgCO₂/kWh). Năm 2024, con số này tăng lên 0,681 kgCO₂/kWh do sản lượng điện than tăng 17,7%. Điều này làm cho thép EAF và nhôm điện phân tại Việt Nam chịu bất lợi CBAM lớn hơn dự báo trước đây.

II. PHÂN TÍCH TÁC ĐỘNG THEO NGÀNH

Bảng 2: Tổng quan tác động CBAM theo ngành

Ngành / Loại hình	Phát thải (tCO ₂ /t SP)	CBAM 2026 (€/t)	CBAM 2030 (€/t)	CBAM 2034 (€/t)	Mức độ rủi ro
Thép BF-BOF (Formosa type)	2,30	€4,33	€133,8	€345	Nguy hiểm
Thép EAF lưới than VN (HPG type) †	~1,25–1,35	€2,4–2,6	€73–83	€187–215	Cao (↑ do EF điện)
Thép EAF + điện tái tạo	~0,45–0,55	€0,9–1,0	€26–32	€67–83	Thấp
Xi-măng (Vicem type)	0,75	€1,41	€43,7	€112,5	Nguy hiểm
Ure – Phân bón khí tự nhiên	1,80	€3,39	€104,6	€270	Nguy hiểm
Nhôm điện phân lưới than †	~12–15	€22,6–28,3	€703–880	~€1.800–2.250	Tử vong
Nhôm tái chế (secondary aluminium)	~1,5	€2,83	€87,3	€225	Trung bình

† Tính toán: dùng hệ số phát thải điện 0,66 kgCO₂/kWh (Cục ĐBKH 2024) thay vì 0,55 kgCO₂/kWh. Nguồn: World Steel Assoc. 2022; IEA 2024; ICAP 2025; EU Commission Q1/2026. Tính toán: HOUSELINK Research



Hình 3 — Chi phí CBAM theo Ngành và Năm (€/tấn sản phẩm)

Nguồn: HOUSELINK Research, Tổng hợp. Hệ số CBAM: EU 2023/956. Giá ETS: Fastmarkets 02/2026. Cường độ phát thải: WorldSteel 2022, IEA 2024, Cục ĐKKH 2024

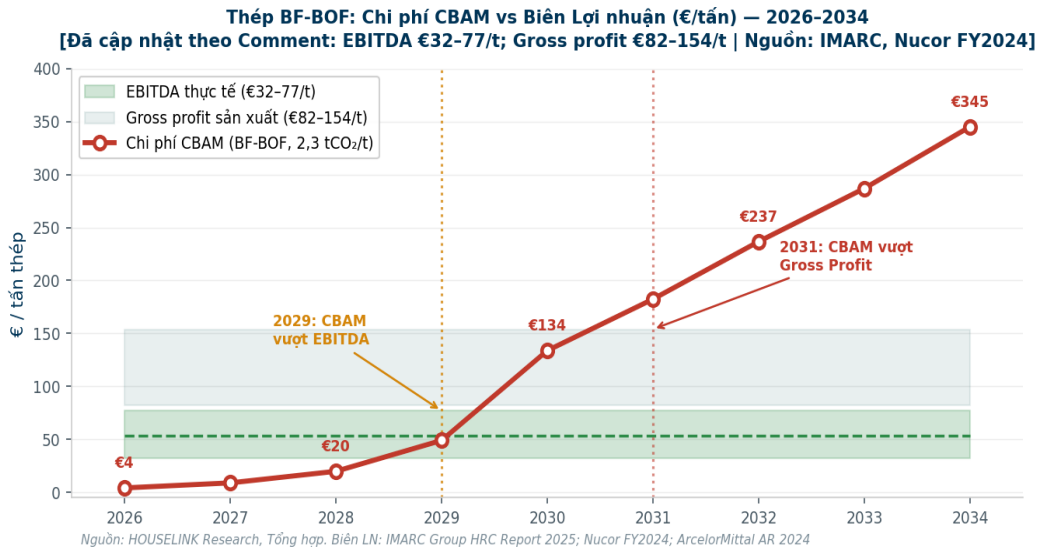
2.1 Ngành Sắt & Thép — Tác động phân hóa theo công nghệ

2.1.1 Thép lò cao BF-BOF

Thép BF-BOF có cường độ phát thải ~2,3 tCO₂/tấn (World Steel Assoc. 2022: mức trung bình toàn cầu BF-BOF là 2,33 tCO₂/t). Đây là công nghệ vận hành tại Formosa Hà Tĩnh (~7,5 triệu tấn/năm). Biên lợi nhuận tham chiếu từ dữ liệu tài chính ngành thực tế:

Chỉ tiêu tài chính	Chu kỳ hiện tại (2024-2026)	Chu kỳ bình thường	Nguồn
Giá HRC xuất khẩu	\$600–750/t (~€545–682/t)	\$700–1.050/t	GMK Center; Fastmarkets 2025
Gross profit (doanh thu – SX)	€80–130/t (15–20%)	€100–200/t (15–25%)	IMARC Group HRC Report 2025
EBITDA vận hành	€32–65/t (5–9%)	€45–90/t (7–12%)	Nucor FY2024; ArcelorMittal AR2024
CBAM 2030 (~€133,8/t)	Vượt EBITDA 2–4 lần	Vượt EBITDA 1,5–3 lần	Tính toán HOUSELINK Research
CBAM 2034 (~€345/t)	50–63% giá bán HRC	→ Loại khỏi thị trường EU	Tính toán HOUSELINK Research

Nguồn: IMARC Group Hot-Rolled Coils Manufacturing Plant Project Report 2025; Nucor Corporation Annual Report 2024; ArcelorMittal Annual Report 2024; WorldSteel Sustainability Indicators 2025



Hình 4 — Thép BF-BOF: Chi phí CBAM vs EBITDA và Gross profit (€/tấn, 2026–2034)

Nguồn: HOUSELINK Research. Biên LN tham chiếu: IMARC Group 2025; Nucor FY2024; ArcelorMittal AR2024. Giá ETS: Fastmarkets 02/2026

2.1.2 Thép lò điện EAF — Lưới điện than Việt Nam

Thép EAF thường được coi là 'xanh hơn' so với BF-BOF. Tuy nhiên, do hệ số phát thải lưới điện Việt Nam cao (0,66 kgCO₂/kWh — chính thức 2023; 0,681 kgCO₂/kWh — ước tính 2024), thép EAF Việt Nam có Scope 2 tương đối cao:

- Scope 2 (điện năng ~450 kWh/t thép): $450 \times 0,66 \div 1000 = \sim 0,30 \text{ tCO}_2/\text{t}$ — cao gấp 3 lần EAF EU
- Scope 1 (điện cực, vôi, phụ gia carbon): $\sim 0,3-0,4 \text{ tCO}_2/\text{t}$ (phụ thuộc tỷ lệ HBI/scrap)
- Tổng cường độ EAF lưới than VN: $\sim 1,25-1,35 \text{ tCO}_2/\text{t}$ (cao hơn ước tính 1,2 tCO₂/t trước đây do EF điện chính xác hơn)
- Chi phí CBAM 2030: €73–83/t — vẫn vượt EBITDA vận hành điển hình

Giải pháp then chốt: Ký DPPA (Direct Power Purchase Agreement) với nhà máy điện tái tạo — hạ Scope 2 từ $\sim 0,30$ xuống $\sim 0,04 \text{ tCO}_2/\text{t}$, giảm tổng cường độ xuống $\sim 0,45 \text{ tCO}_2/\text{t}$ → cắt CBAM 2030 từ €78/t (EAF than) xuống $\sim €26/\text{t}$ (EAF + RE). Chi phí DPPA gần như €0 thêm so với giá điện lưới thông thường.

2.2 Ngành Nhôm — Tác động cực đoan nhất

Nhôm nguyên sinh điện phân là ngành chịu tác động CBAM nghiêm trọng nhất do cường độ điện năng rất cao (~13.000 kWh/tấn nhôm). Với hệ số phát thải điện chính thức 0,66 kgCO₂/kWh:

- Scope 2 từ điện: $13.000 \times 0,66 \div 1000 = \sim 8,6 \text{ tCO}_2/\text{t}$ nhôm
- Scope 1 (điện cực carbon/phản ứng Hall-Héroult): $\sim 4-6 \text{ tCO}_2/\text{t}$
- Tổng cường độ nhôm điện phân lưới than VN: $\sim 12-15 \text{ tCO}_2/\text{t}$ (IEA: global average aluminium 14,8 tCO₂/t với coal grid)

Chi phí CBAM nhôm điện phân than:

- 2026: €22,6–28,3/t → chưa nghiêm trọng (hệ số 2,5%)
- 2030: €703–880/t → cao hơn EBITDA gấp 5-10 lần
- 2034: $\sim €1.800-2.250/\text{t}$ → tương đương $\sim 80-100\%$ giá bán nhôm ingot ($\sim €2.100-2.300/\text{t}$)

→ Xuất khẩu nhôm điện phân than sang EU sau năm 2030 là KHÔNG KHẢ THI về kinh tế.

Lối thoát: Nhôm tái chế (secondary aluminium): ~1,5 tCO₂/t → CBAM 2034 chỉ ~€225/t — thách thức nhưng quản lý được. Đây là hướng chuyển đổi cần ưu tiên cho ngành nhôm Việt Nam.

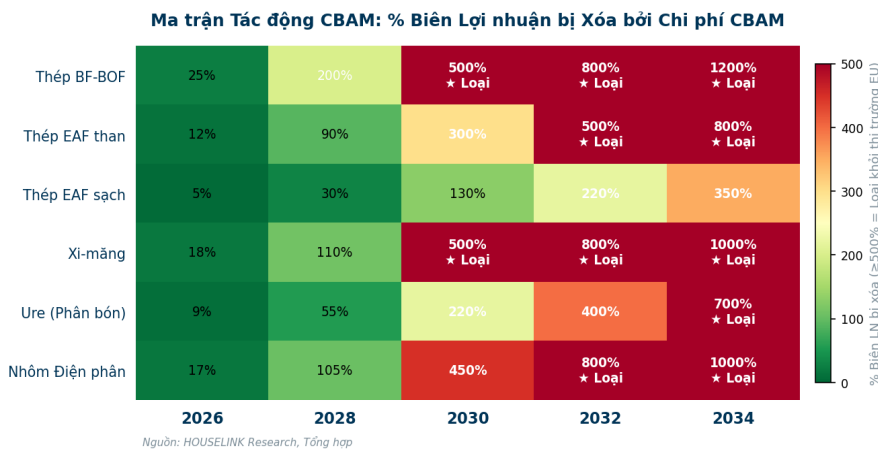
2.3 Ngành Xi-măng — Rủi ro xuất khẩu trung hạn

Việt Nam là nhà sản xuất và xuất khẩu xi-măng lớn nhất ASEAN. Cường độ phát thải ~0,75 tCO₂/tấn (trong đó ~60% từ phản ứng hóa học nung vôi — không thể loại bỏ bằng đổi nhiên liệu). Chi phí CBAM 2034 (~€112,5/t) vượt gần gấp đôi giá xuất khẩu (~€50–60/t). Tác động chủ yếu là gián tiếp qua chuỗi cung ứng EU và nguy cơ mở rộng phạm vi CBAM.

2.4 Ngành Phân bón — Áp lực rõ ràng với lối thoát chuyển đổi

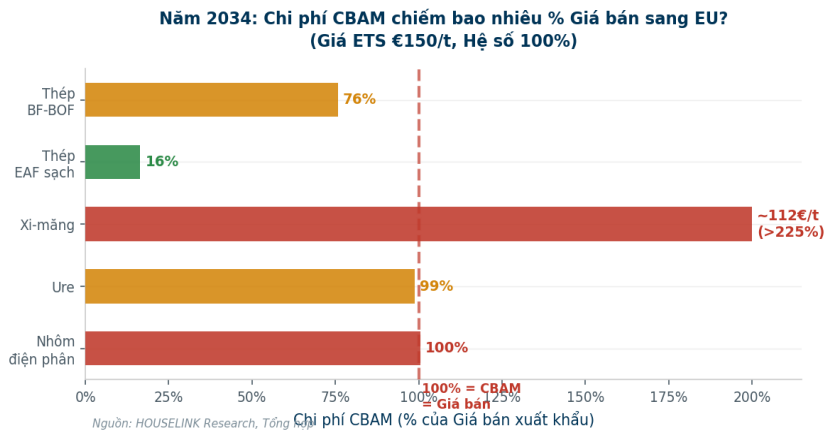
Phân bón ure (quy trình Haber-Bosch từ khí tự nhiên): ~1,8 tCO₂/tấn ure, bao gồm cả Scope 2 theo quy định CBAM. Chi phí CBAM 2030 (~€104,6/t) vượt biên lợi nhuận điển hình \$30–50/t. Lối thoát: Blue ammonia (CCS) hoặc Green ammonia (điện phân + RE) hạ cường độ xuống 0,1–0,3 tCO₂/t.

III. MA TRẬN RỦI RO VÀ TÁC ĐỘNG LỢI NHUẬN



Hình 5 — Ma trận Tác động CBAM: % Biên Lợi nhuận bị Xóa theo Ngành và Năm

Nguồn: HOUSELINK Research. Biên LN: IMARC Group 2025; Nucor FY2024; ArcelorMittal AR2024. Cường độ phát thải: WorldSteel 2022, IEA 2024, Cục ĐKHK 2024



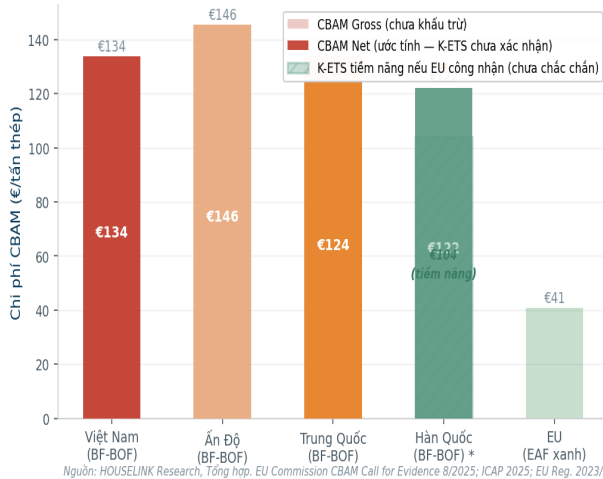
Hình 6 — Năm 2034: Chi phí CBAM chiếm bao nhiêu % Giá bán xuất khẩu sang EU

Nguồn: HOUSELINK Research, Tổng hợp. Giá ETS dự báo: Fastmarkets & BloombergNEF ECCO 2025

IV. PHÂN TÍCH CẠNH TRANH QUỐC TẾ

Gánh nặng CBAM ròng phụ thuộc vào (1) cường độ phát thải và (2) carbon price nội địa được EU công nhận để khấu trừ. Cơ chế công nhận chính thức đang được EU Commission xây dựng (Call for Evidence 08/2025) — chưa có quyết định cuối cùng.

So sánh Gánh nặng CBAM theo Quốc gia — Thép BF-BOF, Năm 2030 (Giá €120/t, Hệ số 48,5%)
* K-ETS Hàn Quốc: chưa được EU chính thức công nhận để khấu trừ CBAM (Call for Evidence 8/2025)



Hình 7 — Gánh nặng CBAM Ròng theo Quốc gia, Thép BF-BOF, Năm 2030 (* K-ETS Hàn Quốc: tiềm năng nếu EU công nhận — chưa xác nhận chính thức tại thời điểm 04/2026)

Nguồn: HOUSELINK Research. K-ETS: giá thứ cấp ~KRW 9.393/tCO₂ ≈ USD 6,60 ≈ €5,8/tCO₂ (ICAP 2025). CN-ETS: ~CNY 70,78 ≈ USD 9,85 ≈ €8,7/tCO₂ (ICAP 2025). Lưu ý: giá thị trường thứ cấp — không phải giá EU dùng để tính khấu trừ CBAM (chưa có quy định cuối cùng). EU Commission Call for Evidence on CBAM third-country carbon price deduction 08/2025

Bảng 3: CBAM Ròng theo Quốc gia — Thép BF-BOF, Năm 2030

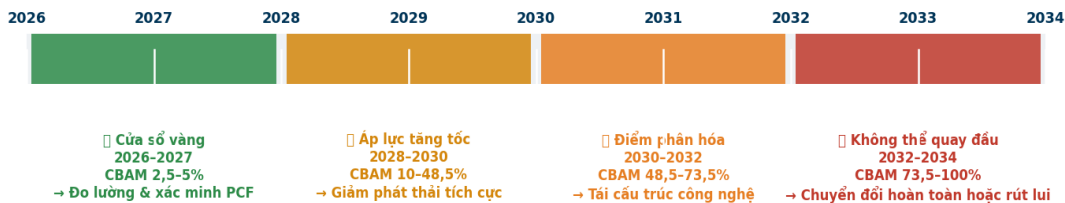
Quốc gia	Cường độ (tCO ₂ /t)	Carbon Nội địa (~€/tCO ₂)	CBAM Gross (€/t)	Khả năng Khấu trừ	CBAM Net Ước tính	Ghi chú
Việt Nam	2,30	€0 (ETS pilot chưa công nhận)	€133,8	€0	€133,8	Bất lợi nhất
Ấn Độ	2,50	€0 (chưa bắt buộc)	€145,5	€0	€145,5	Tương tự VN
Trung Quốc	2,30	~€8 CN-ETS	€133,8	~€8,9 (nếu công nhận)	~€124,9	Chưa chắc
Hàn Quốc *	2,10	~€6 K-ETS (2025)	€122,2	~€6,1 (NẾU công nhận)	~€127,7	* Chưa xác nhận
EU (EAF xanh)	0,70	€70 EU ETS	Không áp dụng	—	€0	Lợi thế sân nhà

* K-ETS Hàn Quốc: Có thể đủ điều kiện nhưng CHƯA được EU chính thức công nhận (EU Comm. Call for Evidence 08/2025). Lợi thế cạnh tranh là tiềm năng, không chắc chắn. Nguồn: ICAP; HOUSELINK Research

Kết luận cạnh tranh: Không có carbon pricing nội địa được công nhận, Việt Nam chịu CBAM ròng ở mức bất lợi nhất. Để thu hẹp khoảng cách: (1) Đẩy nhanh Vietnam ETS để được EU công nhận; (2) Giảm phát thải thực tế để hạ CBAM gross; (3) Ký DPPA điện tái tạo để cắt Scope 2 — không cần chờ chính sách.

V. CỬA SỔ THỜI GIAN VÀ LỘ TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Cửa sổ Thời gian Hành động cho Doanh nghiệp Sản xuất Việt Nam



Nguồn: HOUSELINK Research, Tổng hợp

Hình 8 — Cửa sổ Thời gian Hành động cho Doanh nghiệp Việt Nam (2026–2034)

Nguồn: HOUSELINK Research, Tổng hợp từ EU Reg. 2023/956 và Fastmarkets Carbon Analysis

Bảng 4: Ma trận Chiến lược Giảm Phát thải — Theo Chi phí, Tác động và Thời gian

Chiến lược	Giảm phát thải	Chi phí đầu tư	Thời gian	Ưu tiên
Đo lường PCF + xác minh ISO 14067	0% nhưng tránh Default Value cao hơn 30-50%	\$15K–50K	3–6 tháng	★★★★★ #1 NGAY
DPPA điện tái tạo (Scope 2)	30–60% Scope 2 — đặc biệt quan trọng với lưới VN 0,66	~\$0 thêm (hợp đồng)	6–18 tháng	★★★★★ #2 NGAY
Tối ưu hóa quy trình (energy efficiency)	10–20%	\$500K–5M	12–24 tháng	★★★★
Thay nhiên liệu (coal → gas/biomass)	20–40%	\$2M–20M	24–48 tháng	★★★
Chuyển đổi BF-BOF → EAF	50–70%	\$100M–500M	5–10 năm	★★★
CCUS (Carbon Capture & Storage)	70–90%	\$50M–200M	7–15 năm	★★
Green H ₂ + DRI (thép xanh)	85–95%	\$200M–1B+	10–15 năm	★★

Nguồn: HOUSELINK Research, Tổng hợp từ IEA Energy Technology Perspectives 2024; BloombergNEF LCOE Outlook 2025; World Steel Assoc.

Tại sao DPPA là ưu tiên #2: Với hệ số phát thải lưới điện VN chính thức 0,66 kgCO₂/kWh (2023) và xu hướng tăng lên 0,681 (2024), chuyển sang DPPA điện tái tạo không chỉ giảm CBAM mà còn được khách hàng OEM (Apple, Samsung, BMW) yêu cầu như điều kiện Scope 2. Chi phí gần như €0 thêm — chỉ cần ký hợp đồng DPPA với nhà máy RE.

VI. TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC MÔ HÌNH DOANH NGHIỆP

6.1 Doanh nghiệp Nhà nước quy mô lớn

- Rủi ro tài chính CBAM 2030: \$5–50 triệu USD/năm tùy quy mô và ngành
- Lợi thế: quy mô vốn lớn, tiếp cận tín dụng xanh IFC/ADB để đầu tư chuyển đổi
- Hành động cần thiết: phê duyệt CAPEX chuyển đổi công nghệ và thiết lập MRV ngay 2026

6.2 Doanh nghiệp FDI lớn

- Quyết định chiến lược — duy trì BF-BOF (thu hẹp thị trường EU) hoặc đầu tư chuyển đổi DRI-EAF

6.3 Doanh nghiệp SME xuất khẩu trực tiếp sang EU

- Bị tác động ngay từ 2026 — phải khai báo CBAM cho từng lô hàng nhập khẩu
- Rủi ro Default Values: nếu không có dữ liệu xác minh → trả mức phát thải cao nhất thế giới (IR 2025/2621)
- Đầu tư MRV system (\$15K–50K) nhỏ hơn nhiều so với rủi ro CBAM cả năm (\$100K–\$500K+)

6.4 Doanh nghiệp xuất khẩu gián tiếp (Tier-1/Tier-2 Supplier cho OEM)

- Samsung, Apple, BMW, Porsche yêu cầu toàn bộ nhà cung cấp cung cấp PCF data (Scope 3) — độc lập với CBAM
- 2025–2026: bắt đầu nhận yêu cầu từ khách hàng → không chuẩn bị = mất đơn hàng, không chờ đến 2030

VII. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ CHIẾN LƯỢC

1. CBAM là chi phí pháp lý có hiệu lực từ 01/01/2026 — không phải dự báo. Giá €75,36/tCO₂ (Q1/2026) là số liệu chính thức. Hệ số phase-in (2,5%→100%) là lộ trình bắt buộc theo luật EU.
2. Hệ số phát thải lưới điện Việt Nam 0,66 kgCO₂/kWh (chính thức 2023, Cục ĐKKH) — gấp 3 lần EU — là bất lợi có thể GIẢI QUYẾT ngay bằng DPPA điện tái tạo với chi phí gần như bằng 0.
3. Vietnam ETS pilot (2025-2028) chưa tạo ra gì để khấu trừ CBAM. Đẩy nhanh lộ trình ETS được EU công nhận là ưu tiên chính sách cấp quốc gia.
4. K-ETS Hàn Quốc và các ETS quốc gia khác chưa được EU chính thức công nhận để khấu trừ CBAM. Lợi thế cạnh tranh của họ là tiềm năng — phụ thuộc vào quy định EU 2026-2027.
5. Hành động ưu tiên #1 ngay 2026: thiết lập PCF measurement + ISO 14067 verification để thoát bẫy Default Values. Chi phí nhỏ (\$15K–200K) so với lợi ích tránh CBAM mặc định cao hơn 30–50% thực tế.



ATAD STEEL STRUCTURE CORPORATION

2,700+

Number Of Employees

60+

Countries Have Projects

4,000+

Number Of Buildings

13

Offices



EPC CONTRACTOR IN STEEL STRUCTURE AND SHEETING SOLUTIONS

ATAD is a leading EPC contractor for steel structures and sheeting in Vietnam and the region, delivering integrated solutions for industrial, commercial, and infrastructure projects worldwide. With modern factories, internationally recognized certifications, and a track record across more than 60 countries, ATAD is trusted for engineering precision, manufacturing excellence, and on-time project execution.

TYPICAL PROJECTS



LONG THANH INTERNATIONAL AIRPORT
Scale: 45,000 MT



HO CHI MINH CITY METRO LINE 1
Scale: 2,600 MT



HOA PHAT DUNG QUAT STEEL COMPLEX
Scale: 83,000 MT



MRT7 STATIONS 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10 - PHILIPPINES
Scale: 22,000 MT



PROJECT CERES UREA PLANT - PERDAMAN, AUSTRALIA
Scale: 9,000 MT



KAMPALA FLYOVER - UGANDA
Scale: 1,495 MT



GREEN STEEL PLANT - H2GS - SWEDEN
Scale: 5,000 MT



JACKSON GENERATION POWER PLANT - USA
Scale: 3,760 MT



MATARBARI - BANGLADESH
Scale: 30,500 MT

VIETNAM - SINGAPORE - THAILAND - INDONESIA - PHILIPPINES - CAMBODIA - MYANMAR - SRI LANKA - BANGLADESH - UGANDA

✉ sales@atad.vn

📍 atad.vn

🌐 /atadsteelstructure

[Báo cáo được tài trợ bởi ATAD Steel Structure Corporation.](#)



Data-Driven Integrated Carbon Management Solution

From PCF, EPD, CBAM, and CCF-GHG to the supply chain, enabling integrated carbon reduction strategies



Glassdome is an integrated solutions partner enabling global carbon neutrality by combining Silicon Valley-driven IT technologies with Korea's manufacturing expertise.



All-in-One Integration

A comprehensive carbon management solution by expert teams across process, LCA, data, and IT, enabling optimized deployment of PCF, EPD, CBAM, and CCF-GHG aligned with customer objectives



Internationally Certified

Verified across key regulations by accredited bodies and industry frameworks, including CBAM (LRQA), PCF (LRQA, Catena-X), and EPD (IGSC), demonstrating proven solution credibility



High-Speed Deployment

Solution deployment and automated certification reporting completed in up to six months, enabling immediate response to regulatory authorities and OEM requirements



Superior Cost Efficiency

Over 50% lower certification costs through certification-targeted and optimized processes

Trusted by Industry Leaders



Globally Certified & Verified



glassdome.com



Brochure QR

info@glassdome.com

Báo cáo được tài trợ bởi Glassdome, Inc.

CAM KẾT & TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Chúng tôi, bộ phận Nghiên cứu và Tư vấn của Công ty Cổ phần HOUSELINK, cam kết rằng các thông tin đưa ra trong báo cáo này được xử lý một cách chân thực và chuẩn mực nhất.

Chúng tôi cam kết tuân thủ đạo đức nghề nghiệp ở mức độ cao nhất có thể đạt được.

Bản quyền của báo cáo này thuộc về Công ty Cổ phần HOUSELINK. Những thông tin được sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn mà HOUSELINK coi là đáng tin cậy, có sẵn và hợp pháp. Ảnh bìa dựa hỗ trợ bởi Chatgpt.

HOUSELINK không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng.

Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của HOUSELINK. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này lưu ý các nhận định trong báo cáo mang tính chất chủ quan của chuyên viên phân tích HOUSELINK. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo này tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ tổ chức nào khi chưa được phép của HOUSELINK.

Báo cáo này được soạn thảo bởi **CÔNG TY CỔ PHẦN HOUSELINK**

Liên hệ: Tầng 9, tòa nhà Sannam, 78 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
(+84) 966 222 490 | info@houselink.com.vn | <https://houselink.com.vn/>

Tháng 4/2026